

# XUNG ĐỘT TÂM LÝ TRONG GIAO TIẾP VỚI BẠN CÙNG LỚP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ SỸ LIÊN, ĐÀ NẴNG

## PSYCHOLOGICAL CONFLICTS IN COMMUNICATION WITH CLASSMATES AMONG THE STUDENTS AT NGOSYLIEN JUNIOR HIGH SCHOOL IN DANANG CITY

**Hoàng Thế Hải, Bùi Văn Vân**

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: thehaitlh1982@gmail.com*

**Tóm tắt:** Lứa tuổi học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) là thời kỳ phức tạp và quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân. Ở lứa tuổi này nhu cầu giao tiếp (GT) với bạn phát triển mạnh. Quan hệ với bạn của các em phong phú, phức tạp và rõ rệt hơn so với HS tiểu học. Trong quá trình hoạt động và giao tiếp cùng nhau, do nhiều nguyên nhân các em dễ nảy sinh các xung đột tâm lý (XĐTL) và được biểu hiện dưới nhiều hình thức: tranh chấp, chửi mắng, ẩu đả... Đây là hiện tượng tất yếu nảy sinh trong quá trình các em hoạt động cùng nhau. XĐTL trong GT với bạn cùng lớp của HS trường THCS Ngô Sỹ Liên - TP Đà Nẵng ở mức độ khá cao, giữa nam và nữ có sự khác biệt. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự XĐTL của HS. Trên cơ sở thực trạng và lý giải nguyên nhân chúng tôi đề xuất một số biện pháp giải quyết các XĐTL và xây dựng các quan hệ GT với bạn tích cực để phát triển tâm lý nhân cách cho các em.

**Từ khóa:** xung đột tâm lý; hoạt động; giao tiếp; nhân cách; thiếu niên; học sinh THCS

**Abstract:** The age of junior high school students is a complicated and important period in the development of each individual. At this age the need for communication flourishes and the relations with their friends are rich, complicated and more widespread than at the elementary school. During their learning activities and communication with each other, they tend to easily encounter psychological conflicts arose and they are expressed in different forms: disputes, scolding, fighting... This phenomenon is inevitably arisen in the course of their mutual contracts. The conflicts in communication with classmates among the students at Ngosylien Junior High School - Danang occurred at a high level and at different aspects between boy and girl students. There are many reasons for the students' conflicts. On the basis of the realities and reasons for such causes, we propose a number of measures to address the conflicts and build the relationships with classmates so as to develop positive personality psychology for children.

**Key words:** Conflict psychology; activities; communication; personality; teens; junior high students

### 1. Đặt vấn đề

Học sinh THCS bao gồm những em từ 11 đến 15 tuổi, đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9 trường THCS. Đây là thời kỳ phức tạp và quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân, là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành [1].

Ở lứa tuổi này nhu cầu GT với bạn phát triển mạnh. Quan hệ với bạn của các em phong phú, phức tạp và rõ rệt hơn so với HS tiểu học. Trong quan hệ với bạn, các em rất coi trọng các phẩm chất của tình bạn, đòi hỏi bạn phải có thái độ tôn trọng, thẳng thắn, trung thực, cởi mở, hiểu biết, tin cậy và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Trong khi đó, mức độ phát triển ý thức của các em chưa hoàn thiện, đôi khi các em hiểu không đúng về những biểu hiện của các phẩm chất tình bạn, đánh giá không đúng thái độ và hành động của bạn. Chính vì vậy, các em dễ nảy sinh tranh chấp, ẩu đả, bất hòa trong quan hệ với nhau. Các nhà TLH gọi hiện tượng này là XĐTL trong GT [1].

XĐTL giữa thiếu niên với thiếu niên là sự va chạm, đụng độ giữa những khuynh hướng đối lập nhau về nhận thức, quan điểm, thái độ và hành vi của các em trong quá trình HĐ cùng nhau [2].

Nghiên cứu XĐTL trong giao tiếp với bạn ở HS THCS để xác định tần số, mức độ, nguyên nhân, phương thức giải quyết và ảnh hưởng của XĐTL là rất cần thiết.

Xuất phát từ vấn đề trên, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu XĐTL của HS Trường THCS Ngô Sỹ Liên - TP Đà Nẵng giúp các thầy (cô) giáo, các bậc phụ huynh và người làm công tác giáo dục (GD) thiếu niên (TN) tìm ra phương thức hạn chế, điều chỉnh và giải quyết XĐTL của các em một cách phù hợp và có hiệu quả, để thúc đẩy sự phát triển tâm lý, nhân cách của các em tốt hơn.

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi với 240 HS và một số GV giảng dạy. Ngoài ra, còn quan sát lớp học và trao đổi trực tiếp qua phỏng vấn với một số HS và GV.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Xung đột tâm lý trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS ở các lĩnh vực hoạt động

Nghiên cứu 240 HS ở các trường THCS Ngô Sỹ Liên - TP Đà Nẵng thì 100% các em khẳng định có XĐ trong GT với bạn. Để có cái nhìn toàn diện hơn, chúng tôi tiến hành điều tra mức độ xung đột trên các lĩnh vực hoạt động.

**Bảng 1.** XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS ở các lĩnh vực HĐ

TT	Lĩnh vực HĐ	Nam		Nữ		Chung		Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	
1	HĐ vui chơi, giải trí	79	70,5	67	52,3	146	60,8	2
2	HĐ học tập	71	63,4	82	64,1	153	63,7	1

3	HĐ lao động, ngoại khóa	28	25	31	24,2	59	24,6	3
4	Các HĐ khác	14	12,5	18	14,1	32	13,3	4

Kết quả Bảng 1 cho thấy, XĐTL nảy sinh ở tất cả các lĩnh vực hoạt động, nhưng tỷ lệ không đồng đều. Học tập là lĩnh vực nảy sinh nhiều XĐ nhất trong GT giữa các em HS (63,7% ý kiến), tiếp đến là là HĐ vui chơi giải trí (60,8% ý kiến), sau đó mới tới HĐ lao động, ngoại khóa (24,6% ý kiến) và các HĐ khác (13,3% ý kiến). Điều này nói lên nhu cầu học tập, nhu cầu vui chơi giải trí ở các em phát triển mạnh, trong đó nhu cầu học tập vẫn trội hơn so với nhu cầu vui chơi giải trí nhưng không có sự chênh lệch lớn và hoàn toàn phù hợp với đặc trưng tâm lý tuổi thiếu niên.

Sự khác biệt về giới tính cũng chi phối sự nảy sinh XĐ trong các lĩnh vực HĐ. Cụ thể: Có 63,7% nữ HS cho rằng có các xung đột xảy ra trong hoạt động học tập nhưng ở nam HS là 63,4. Ngược lại, có 60,8% nữ HS cho rằng có các XĐ xảy ra trong hoạt động vui chơi giải trí thì ở nam HS lại là 70,5%. Như vậy, nam HS vẫn ham vui chơi nhiều hơn nữ HS vì vậy số XĐTL trong vui chơi giải trí cũng nhiều hơn.

## 2.2. Hình thức biểu hiện hành vi XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS

Khi XĐTL xảy ra trong GT với bạn cùng lớp của HS, các em có nhiều biểu hiện hành vi xung đột khác nhau như ẩu đả, gây áp lực tâm lý, lập luận, lí lẽ, xa lánh bạn bè và có hành vi khác [2]. Về vấn đề này, nghiên cứu của chúng tôi thu được kết quả sau:

Xét chung toàn mẫu (Bảng 2) cho thấy, phương thức biểu hiện hành vi XĐTL trong GT với bạn của HS rất đa dạng và phong phú, Trong đó, phổ biến nhất là hình thức lập luận lý lẽ ( $\bar{X} = 2,60$ ), xếp thứ 2 là hình thức thắc mắc và thách thức công khai ( $\bar{X} = 2,56$ ), xếp thứ 3 là hình thức xa lánh ( $\bar{X} = 2,40$ ), chửi mắng, chế nhạo cũng là hình thức khá phổ biến ( $\bar{X} = 2,25$ ). Hình thức ít biểu hiện nhất là ẩu đả ( $\bar{X} = 1,20$ ) và đe dọa, ra lệnh ( $\bar{X} = 1,58$ ).

**Bảng 2.** Hình thức biểu hiện hành vi XĐTL trong GT với bạn cùng lớp của HS

TT	Phương thức	Khối lớp			Chung	
		$\bar{X}_{\text{Nam}}$	$\bar{X}_{\text{Nữ}}$	$t_{(238)}$	$\bar{X}$	TB
1	Ấu đả	1,31	1,10	<b>2,29*</b>	1,20	<b>6</b>
2	Thắc mắc và thách thức công khai	2,50	2,62	<b>0,78</b>	2,56	<b>2</b>
3	Đe dọa, ra lệnh	1,56	1,61	<b>0,50</b>	1,58	<b>5</b>
4	Chửi mắng, chế nhạo	2,20	2,31	<b>0,79</b>	2,25	<b>4</b>
5	Lập luận lý lẽ	2,65	2,55	<b>1,08</b>	2,60	<b>1</b>
6	Xa lánh	2,40	2,41	<b>0,08</b>	2,40	<b>3</b>
<b>Trung bình chung</b>		<b>2,10</b>	<b>2,10</b>		<b>2,10</b>	

Ghi chú:  $\bar{X} : 1 \leq \bar{X} \leq 3$  \* :  $p < 0,05$

Xét theo giới tính cho thấy, giới tính cũng ảnh hưởng tới hành vi XĐ của các em. Khi XĐ xảy ra, chỉ có các em nam mới có hành vi ẩu đả và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $\bar{X}_{\text{Nam}} = 1,31$  so với  $\bar{X}_{\text{Nữ}} = 1,10$ ) ( $t_{(238)} = 2,29$ ;  $p < 0,05$ ). Trò chuyện với các em được biết phương thức này thường được các em sử dụng khi XĐTL lên tới đỉnh điểm hoặc khi các em có tâm thế tiêu cực, ầm ức, gắt gỏng, thách thức hay có thái độ thù địch với bạn. Điều này là do tính gia trưởng, mạnh mẽ thể hiện trong hành vi XĐTL ở các em nam là rõ nét, các em muốn giải quyết xung đột nhanh chóng, dứt khoát.

Hình thức lập luận lý lẽ ở các em nam cao hơn các em nữ. Ngược lại, ở các hình thức còn lại như gây áp lực tâm lý, chửi mắng chế nhạo thì ở các em nữ biểu hiện cao hơn nam nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Điều này phản ánh nét tâm lý đặc trưng của giới nữ. Các em nữ cho rằng, mình là phái yếu cần sự che chở, cần được giúp

đỡ nên việc khốc lốc, giận hờn là chuyện bình thường và tạo nên áp lực tâm lý sẽ làm cho đối tượng nhượng bộ và đáp ứng nhu cầu, mong muốn của mình. Nhưng các em nam lại khác, các em cho rằng đàn ông phải có bản lĩnh, phải có lập trường và mạnh mẽ nên không sợ nếu mình làm đúng.

Như vậy, hình thức biểu hiện hành vi xung đột có sự khác biệt giữa nam và nữ là do sự chi phối của đặc điểm tâm lý giới.

Kết quả điều tra cho thấy, mức độ XĐTL trong các lĩnh vực HĐ của HS là không đồng đều. Cụ thể, HĐ vui chơi giải trí xếp thứ bậc 1 ( $\bar{X} = 2,13$ ), HĐ học tập xếp thứ bậc 2 ( $\bar{X} = 2,03$ ), tiếp đến là HĐ lao động, ngoại khóa ( $\bar{X} = 1,98$ ) và cuối cùng là các HĐ khác ( $\bar{X} = 1,73$ ).

Bảng 3. Mức độ xuất hiện XDTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp học của HS

TT	Mức độ Lĩnh vực HĐ	Đồng nhất		Khác biệt		Biểu hiện ra bên ngoài		Đối kháng		$\bar{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
		1	HĐ vui chơi, giải trí	72	30	76	31,7	82	34,2		
2	HĐ học tập	81	33,8	78	32,5	73	30,4	8	3,3	2,03	2
3	HĐ LĐ, ngoại khoá	103	43,9	73	30,4	69	28,8	5	2,1	1,98	3
4	Các HĐ khác	114	47,5	79	32,9	44	18,3	3	1,3	1,73	4
Trung bình			38,8		31,9		27,9		2,7		

Ghi chú:  $\bar{X} : 1 \leq \bar{X} \leq 3$

Xét các mức độ xung đột cho thấy:

*Mức độ đồng nhất* chiếm tỷ lệ cao nhất (38,8%) bởi lẽ trong GT với bạn, các em cùng lứa tuổi có sự tương đồng về nhiều mặt như nhu cầu, hứng thú, vốn kinh nghiệm... Mặt khác, HĐ vui chơi giải trí mang tính tự nguyện cao, có sự đồng nhất các em mới chơi với nhau, nên đây cũng là lĩnh vực HĐ có sự đồng nhất cao nhất so với các lĩnh vực HĐ khác.

*Mức độ có sự khác biệt* chiếm tỷ lệ cao thứ 2 (31,9%) vì trong GT với bạn các em luôn đề cao các phẩm chất của tình bạn, biết đặt ra những yêu cầu đối với bạn và theo dõi việc thực hiện những yêu cầu đó... nhưng sự đánh giá về thái độ và hành vi của bạn ở thiếu niên không phải khi nào cũng chính xác, vì vậy tạo nên sự khác biệt giữa các em, sự khác biệt này chưa bộc lộ ra bên ngoài là do nhu cầu GT với bạn rất mạnh nên các em thường có thái độ dễ dãi bỏ qua những biểu hiện không đúng ở bạn hoặc cố gắng chịu đựng mặc dù trong lòng âm ức.

*Mức độ biểu hiện ra bên ngoài* cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao (27,9%), nguyên nhân là do lứa tuổi TN hung phấn chiếm ưu thế, khả năng tự chủ thái độ và hành vi hạn chế, hành vi của các em mang tính xung động.

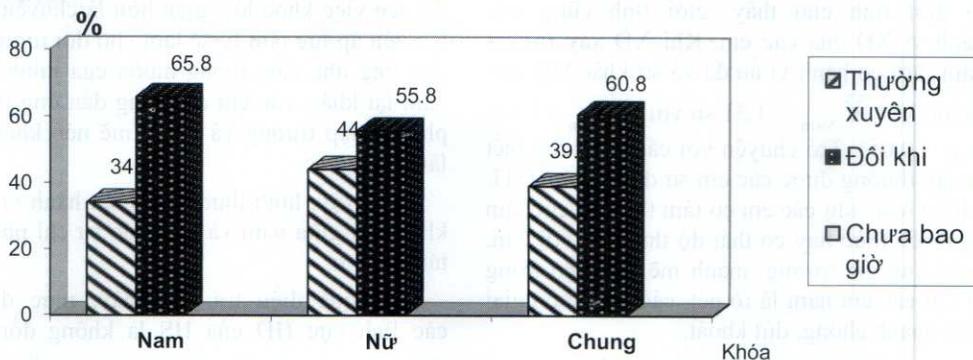
*Mức độ XD gay gắt, có sự đối kháng* lại có tỷ lệ thấp

nhất là (2,7%). Mặc dù có tỷ lệ thấp nhất nhưng lại rất nguy hiểm, XD làm cho các em có sự thù hằn nhau, xa lánh nhau, không nhìn mặt nhau... Chính vì thái độ này, làm cho TN nhiều khi có những hành vi rất nguy hiểm như đánh bạn, trả thù bạn hoặc nhờ bạn ngoài trường chặn đường đánh bạn.

Tóm lại, mức độ thể hiện XDTL trong GT với bạn cùng lớp của HS trường THCS Ngô Sỹ Liên rất đa dạng và phức tạp. Đòi hỏi các lực lượng GD phải nắm vững các mức độ XD ở các em để kịp thời có các biện pháp giải quyết thấu đáo, nhất là đối với những XDTL ở mức độ cao.

### 2.3. Tần số xuất hiện XDTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp học của HS

Hầu hết HS cho rằng XDTL xảy ra ở các em là *thường xuyên* (39,2%) và *đôi khi* (60,8%), tuy nhiên tần số xuất hiện là không đồng đều và có sự khác biệt giữa nam và nữ. Cụ thể: Tần số *thường xuyên* ở nam HS là 34,2%, ở nữ HS là 44,2%. Bên cạnh đó tần số *đôi khi* ở nam HS là 65,8% nhưng ở nữ HS là 55,8%. Như vậy, tần số thường xuyên ở nữ HS cao hơn nhiều so với ở nam và ngược lại. Có sự tương quan thuận về tần số xuất hiện XDTL giữa nam và nữ do sự chi phối của giới tính.



Hình 1. Tần số xuất hiện XDTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp

**Bảng 4.** Nguyên nhân dẫn đến XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS

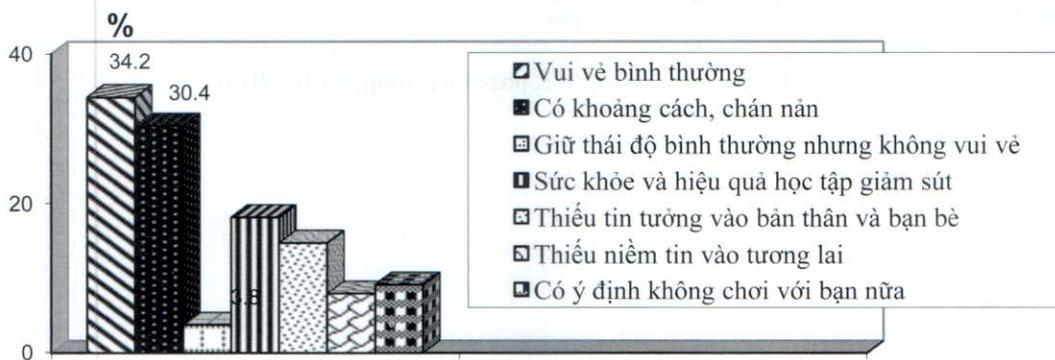
T T	Nguyên nhân	Nhiều		Vừa phải		Ít		$\bar{X}$	hứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Sự khác biệt nhận thức, quan điểm	97	40,4	84	35,0	59	24,6	2,16	4
2	Sự thiếu hụt kĩ năng GT	111	46,3	102	43,5	27	11,2	2,35	1
3	Sự khác biệt về cá tính, tính cách	108	45,0	96	40,0	36	15,0	2,30	2
4	Vị thế XH trong nhóm, tập thể	45	18,8	78	32,5	117	48,7	1,70	6
5	Hoàn cảnh gia đình	99	41,3	87	36,3	54	22,5	2,19	3
6	Tệ nạn XH, QH với bạn xấu	54	22,5	123	51,3	63	26,2	1,96	5
7	<b>Trung bình</b>		<b>35,7</b>		<b>39,6</b>		<b>24,7</b>		

Ghi chú:  $\bar{X} : 1 \leq \bar{X} \leq 3$

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên XĐTL. Trong đó, nhóm nguyên nhân chủ quan từ phía bản thân HS chiếm ưu thế trong việc làm nảy sinh XĐTL trong giao tiếp với bạn, tuy nhiên nhóm nguyên nhân khách quan cũng giữ vai trò quan trọng. Minh chứng cho điều này có thể thấy, sự khác biệt về hoàn cảnh gia đình là nguyên nhân xếp thứ bậc 3 trong các nguyên nhân làm nảy sinh xung đột giữa các em. HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn thường có mặc cảm tự ty, từ đó cho rằng mình thua kém bạn về mọi mặt hoặc nảy sinh thái độ ganh tị nên dẫn đến XĐTL giữa các em.

#### 2.4. Mức độ ảnh hưởng của XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS

Ảnh hưởng của XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp phần lớn mang tính tiêu cực chiếm 69,6% và chỉ có 30,4% mang tính tích cực. Kết quả này cho thấy, XĐTL tạo nên sự khủng hoảng, rối loạn, mất thăng bằng tạm thời trong đời sống tinh thần của thiếu niên. Hạn chế XĐTL trong GT với bạn cho các em là việc làm rất cần thiết. Công tác giáo dục HS, nhà trường, gia đình và XH cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ mới có thể mang lại kết quả như mong muốn.

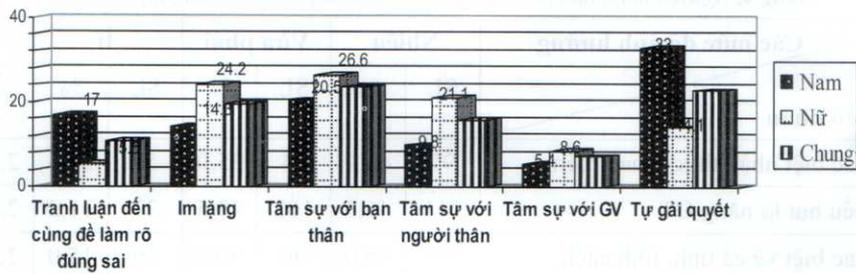


**Hình 2.** Đánh giá của HS về ảnh hưởng của XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp

#### 2.5. Phương thức giải quyết của XĐTL trong giao tiếp với bạn cùng lớp của HS

Nghiên cứu cho thấy các em chủ yếu tự giải quyết khi XĐTL xảy ra, ít lựa chọn cách thức giải quyết dựa vào người khác, đặc biệt là người lớn. Đó cũng là câu hỏi cho các nhà giáo dục, các thầy (cô) giáo và các bậc phụ huynh. Người lớn đã thực sự hiểu các em chưa? Có đối xử bình đẳng với các em không? Đã là “người bạn” của các em chưa?

Vốn kinh nghiệm của HS còn hạn chế, khả năng tự kiểm chế, khả năng chịu đựng còn kém, hơn nữa, phần lớn các XĐTL có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển nhân cách của các em. Để ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của XĐTL đối với sự phát triển nhân cách của các em, người lớn cần phải thay đổi quan điểm, thái độ và hành vi, cách cư xử, phải thực sự là “người bạn đáng tin cậy” của các em. Có như vậy mới giúp HS giải quyết thoả đáng các XĐTL, mới tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhân cách của các em.



Hình 3. Cách thức giải quyết XDTL trong giao tiếp với bạn của HS

Kết quả thu được ở Hình 3 cho thấy giới tính cũng chi phối cách giải quyết XDTL ở HS. Tính xung động, tính tự chủ, tự lực của nam TN thể hiện khá rõ nét, vì vậy nam HS tranh luận đến cùng để làm rõ đúng sai hoặc tự mình tìm hiểu nguyên nhân và cách giải quyết XDTL với tỷ lệ cao hơn nhiều so với nữ HS. Ngược lại, khả năng chịu đựng, mong muốn sự cảm thông chia sẻ của người khác lại là đặc điểm nổi bật trong việc lựa chọn cách giải quyết xung đột của nữ HS. Nên im lặng chịu đựng, tâm sự với bạn thân, với người thân trong gia đình và thầy (cô) giáo là các cách giải quyết XDTL được nhiều em nữ lựa chọn và sử dụng.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu thực trạng XDTL trong GT với bạn cùng lớp của HS các trường THCS Ngô Sỹ Liên nhận thấy, XDTL trong GT với bạn cùng lớp ở các em là rất đa dạng và phức tạp. Sự phức tạp và đa dạng biểu hiện ở tần số, mức độ, nguyên nhân, hình thức biểu hiện hành vi cũng

như mức độ ảnh hưởng của XDTL trong GT với bạn đối với sự phát triển nhân cách của các em.

Để phòng ngừa và giải quyết XDTL trong GT với bạn cùng lớp của HS, chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp như sau:

- Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức, đoàn thể trong việc giáo dục kỹ năng sống cho HS.
- Mở các trung tâm tham vấn học đường cho HS.
- Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa đa dạng, phong phú cho HS tham gia.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Văn Hồng (chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [2] Lê Minh Nguyệt, *Nghiên cứu xung đột tâm lý của thiếu niên với thiếu niên THCS*, LV Thạc sỹ TLH, Trường ĐHSP Hà Nội, 2004.

(BBT nhận bài: 20/09/2013, phản biện xong: 09/10/2013)